

NHỮNG GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU CỦA DI TÍCH KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐÌNH THẠCH GIẢN - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

| NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Email: vuthom6b@gmail.com
Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

| TRỊNH MAI TRÂM KHUƠNG

Email: khuongtmt84@gmail.com
Học viên khóa 10 Thạc sĩ Quản lý văn hóa - Trường ĐHSP Nghệ thuật TW

THE TYPICAL VALUES OF THE NATIONAL ARCHITECTURAL AND ARTISTIC RELIC OF THE THACH GIAN TEMPLE - DA NANG CITY

TÓM TẮT

Đình Thạch Giản là một trong những ngôi đình làng có từ rất sớm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, là một trong những địa danh lâu đời còn giữ lại được cho đến ngày nay. Năm 2007, đình Thạch Giản được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia. Với những giá trị đặc sắc như lịch sử, kiến trúc, văn hóa ngôi đình đã có vai trò quan trọng trong đời sống của người dân thành phố Đà Nẵng và cả vùng đất miền Trung.

Từ khóa: Giá trị, văn hóa, di tích, đình Thạch Giản

ABSTRACT

Thach Gian Communal House is one of the ancient communal houses in Da Nang city, one of the oldest places preserved to date. In 2007, Thach Gian Communal House was ranked as a relic of architecture and art at national level by the Ministry of Culture, Sports and Tourism. With featured values such as history, architecture, culture, the communal house has played an important role in the life of the people of Da Nang city and Central Vietnam.

Keywords: Value, Culture, Relic, Thach Gian Communal House

1. Giá trị lịch sử

Theo nhiều tài liệu ghi chép, làng Thạch Giản (hay Thạch Giản, Thạch Giản, Thạch Giản) là mảnh đất được khai phá sớm, vào khoảng nửa thế kỷ XV. Trước kia, đây là vùng đất rộng lớn đầy lau cỏ, chủ yếu là các bãi bồi xen lẫn những đầm hồ, sinh lầy, nhiều khe suối nhỏ.

Hình thành theo chủ trương mở mang bờ cõi về phương Nam dưới thời vua Lê Thánh Tông, người đầu tiên được nhân dân ghi nhận công lao dẫn đoàn người từ Bắc vào đây khai canh là ông Huỳnh Văn Phước. Sau này, những dòng họ khác như Nguyễn, Ngô, Lê, Phạm, Trương, Trần... cũng lần lượt đến định cư, kế tục sự nghiệp của vị tiền hiền họ Huỳnh mở mang địa giới, dân cư ngày càng sinh tụ đông đúc. Hoạt động kinh tế chủ yếu của dân làng là trồng lúa kết hợp với làm hoa màu và trồng dâu nuôi tằm, đánh bắt thủy hải sản.

Làng Thạch Giản từ trong quá trình lịch sử đã hình thành nên các sinh hoạt văn hóa đa dạng, các phong tục, tập quán tốt đẹp, thuần hậu, trong đó việc học hành khoa cử rất được nhân dân coi trọng. Nhiều nguồn tư liệu Hán Nôm còn lại hiện nay ở địa phương cho biết một cách rõ ràng rằng từ giữa thế kỷ thứ XVIII đến đầu thế kỷ thứ XIX, ở Thạch Giản có nhiều người có thực tài, được các vua chúa bổ dụng, ban cho chức phẩm, trong đó có nhiều vị có chức cao tước lớn như Chánh Ngự y viện Thái y Kế Đức Hầu Nguyễn Kim Châu (1707-1785), Hiệp trấn Thái Nguyên Chương Ngọc Hầu Nguyễn Kim Phương (1771-1821),...

Khi dân cư đông đúc, xóm làng được tạo lập, người dân Thạch Giản đã đồng lòng xây dựng ngôi đình làng đồng thời cũng để làm nơi sinh hoạt chung của cộng đồng. Đình ban đầu được dựng bằng những vật liệu có sức bền thấp, kiến trúc đơn giản. Đến đời vua

Minh Mạng (1820-1840), đình được xây dựng lại bằng các vật liệu chủ yếu là gạch ngói và gỗ. Từ đó đến nay đình đã được trùng tu, tôn tạo nhiều lần, trong đó lần trùng tu lớn nhất là vào năm Bình Thịn (1916). Bên cạnh ngôi đình thì làng Thạc Gián còn có một số ngôi miếu được xây dựng rải rác trong các thôn ấp như 04 Miếu Bà (thờ Thiên Y A Na), Miếu Nam Hải Ngọc Lân (thờ Nam Hải Cự Tộc và Thiên Y A Na), Miếu Thổ thần, Miếu Ông, Miếu Thành Hoàng, Miếu Âm linh.

Ngay từ những năm tháng đầu tiên, ngôi đình làng Thạc Gián đã thờ tự những bậc thần linh hiển hách, những bậc thần nhân là những anh hùng hào kiệt của dân tộc, thờ Đức Tiên Hiền, Đức Hậu Hiền và các Đức Thủy Tổ. Việc thờ tự tại đình làng Thạc Gián được lưu truyền qua các năm với đầy đủ các Sắc phong, Chiếu, Chỉ, văn tự, văn bia...

Trong kháng chiến chống Pháp, đình Thạc Gián được dùng làm trụ sở của Ủy ban kháng chiến khu phố Phan Thanh. Sân đình là nơi tập luyện của dân quân du kích và cả vệ quốc đoàn. Đình còn là địa điểm bầu cử quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đình còn được dùng làm trụ sở của địa phương trong cuộc vận động “Bình dân học vụ”, cuộc vận động “Tuần lễ vàng”, tuần lễ vận động nhân dân đóng góp tài vật cho công cuộc toàn quốc kháng chiến. Con cháu của 06 tộc họ trong làng có rất nhiều người tham gia và có nhiều đóng góp trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

2. Giá trị kiến trúc

Nhìn chung, các ngôi đình ở miền Trung thường có quy mô không lớn. Đa số các đình làng hầu như được di chuyển và xây dựng lại nhiều lần bởi những nguyên do về thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn... hoặc do làm ăn tốt nên dân làng muốn làm một ngôi đình khác to hơn. Tuy đình Thạc Gián được tu sửa nhiều lần nhưng phần lớn vẫn giữ được kiểu thức cũ mà những người đi trước đã xây dựng nên.

Theo truyền khẩu thì đầu tiên ngôi đình được dựng lên bằng tranh, tre. Sau đó được làm lại bằng gỗ vào đời vua Minh Mạng. Đến năm Duy Tân thứ 3 (1909) thì đình Thạc Gián được trùng tu. Lần trùng tu cuối cùng của đình Thạc Gián là vào năm 1916 do sự đóng góp của dân làng. Chất liệu để xây dựng đình chủ yếu là vôi, vữa, gạch, mái lợp ngói âm dương. Mái đình được trang trí hình “lưỡng long châu nhật” ghép bằng sành sứ. Bờ dãi được trang trí hình rùa và phụng. Bốn góc thoát nước đầu hồi được làm hình con cá mà miệng cá là nơi nước chảy xuống. Diềm mái hiên gắn đĩa men lam Huế có đường kính khoảng 8cm.

Đình có chiều dài 12,95m và chiều rộng 12,6m. Đình được làm theo kiểu 3 gian 2 chái, với 5 hàng chân cột, mỗi hàng 6 cột, kê bằng hai lớp đá tảng: lớp trên có 8

cạnh, còn lớp dưới hình quả bí. Cột cái cao 4,7m, đường kính cột cao 20cm. Cột quân cao 4,4m, đường kính cột 20cm. Cột hiên cao 3,7m, đường kính cột 18cm. Đầu các vì được trạm trổ đơn giản. Bàn thờ chính giữa ở hậu tẩm có chữ “Thần” và hai bài vị bằng gỗ thờ Thành hoàng làng và vị Tùng Giang Văn Trung (là một vị tướng vận lương dưới triều vua Lê Thánh Tông). Tả ban, hữu ban thờ tiền hiền và hậu hiền. Ở gian chính giữa điện là bàn thờ với chất liệu gỗ, cặp hạc gỗ, hai dãy lỗ bộ với 07 loại binh khí mỗi bên. Ba bộ cửa gỗ bốn cánh được làm theo kiểu bằng khoa. Bốn cột hiên có bốn câu đối.

Phía trước đình, cổ lâu bên tả thờ Quan Thánh Đế Quân, cổ lâu bên hữu thờ Nam Hải Ngọc Lân. Hai cổ lâu được xây hình chữ nhật, có mái hiên hai tầng, tầng trên thu nhỏ lại. Trên mái trang trí hoa lá ghép bằng sành sứ. Mái hiên có hai con lân ở hai góc. Hai cột của mái hiên có hai câu đối bằng sành sứ. Phần thân của tầng trên trang trí cây, lá, rùa, phụng được ghép mảnh sứ. Quanh chân tầng hai có một hàng lan can sắt tường.

Phía trước sân đình là bức bình phong, mặt trước đắp hình hổ, mặt sau đắp hình kỳ lân. Hai bên là cặp voi quỳ châu hướng vào đình làng, được xây bằng gạch và đắp vôi bên ngoài.

Nằm chếch về phía Đông Bắc của đình là miếu âm linh. Trước miếu âm linh có một tấm bia bằng đá cẩm thạch được làm thời Thành Thái. Chính giữa trán bia là hình mặt trời có hai đạo nhọn hai bên. Diềm bia trang trí là cúc dây. Phía dưới trang trí một bông cúc. Mặt sau cũng trang trí hình mặt trời ở giữa trán bia và ba đạo nhọn mỗi bên. Diềm bia cũng trang trí lá cúc dây và có một bông cúc ở phía dưới. Nội dung bia nói về việc dựng bia và các khoản đóng góp.

Phía sau đình có một nhà hồi hương được xây dựng với diện tích khoảng 50m², được xây bằng gạch, vì kèo, đòn dông bằng gỗ, mái lợp ngói âm dương, nền lát gạch... Ba gian bên trong nhà hồi hương để trống. Nơi đây, ngày xưa là nơi hội họp của các bậc kỳ lão, hương thân, chức sắc. Phía ngoài trái một chiếc chiếu dùng làm nơi để lễ vật như mâm trầu, bình trà hoặc một quả bánh, mâm quả của một người dân muốn nhờ làng giải quyết cho việc làm ăn. Hai gian tả, hữu cũng được trải chiếu. Mọi người dự họp thì tùy theo thứ bậc, tuổi tác mà ngồi trước hoặc sau, nhưng tất cả đều quay mặt hướng vào chiếu giữa.

Phía bên hữu của nhà hồi hương là nhà Trù. Đây chính là gian nhà dùng làm bếp của đình làng. Nhà Trù chỉ xây tường gạch, mái ngói, có cửa ra vào nhưng không làm cánh cửa.

Bên cạnh nhà Trù là Giếng nước. Xưa kia, đây là giếng xây đầu tiên và duy nhất, rất sâu, nước giếng lại trong

nên ngoài việc phục vụ cho đình làng thì bà con trong làng còn đến lấy nước về dùng trong các dịp lễ, tết hoặc ngày cúng kỵ của gia đình (ngoài giếng này, làng còn có một giếng ao khác). Theo những người cao tuổi trong làng thì đây là một trong ba giếng cổ của tổng Bình Thới Hạ (hiện nay thì hai giếng kia đã bị phá bỏ).

Ngoài ra, đình Thạc Gián còn tồn tại phần mộ Đức Tiên Hiền của làng, húy danh Huỳnh Văn Phước. Ngôi mộ được xây dựng trên gò đất cao rộng gần 200m², nằm ở phía trước sân sau của đình. Trải qua 5 thế kỷ, đến nay ngôi mộ vẫn còn nguyên vẹn, tuy nhiên quang cảnh xung quanh đã bị người dân xung quanh lấn chiếm.

Di tích kiến trúc đình Thạc Gián mang đặc trưng kiến trúc nhà truyền thống miền Trung với cấu tạo khung gỗ mang kiến trúc khung rường giao nguyên, trụ đôi truyền thống. Mái ngói âm dương, họa tiết trang trí... mang đậm bản sắc dân gian. Nếu so sánh với đình làng miền Bắc thì đình làng ở đây nhỏ hơn. Tuy vậy, đình Thạc Gián vẫn còn lưu lại khá đầy đủ giá trị kiến trúc đình làng thời nhà Nguyễn.

Về kết cấu gỗ thì đình Thạc Gián không có gì đặc biệt so với đình miền Bắc hoặc nhà rường Huế nhưng phần nề ngoài người thợ đã thực hiện khá tinh xảo. Chú ý nhất là việc ghép sành sứ các con giống long, lân, quy, phượng rất sinh động, mức độ họa tiết khá dày đặc.

Với những giá trị kiến trúc vốn có, đình Thạc Gián đã phản ánh một thời kỳ phát triển của làng nghề với sự tinh xảo của các nghệ nhân Việt. Đây cũng là nhân tố góp phần hình thành các giá trị lịch sử gắn liền với công cuộc mở mang bờ cõi, dựng nước, giữ nước của cha ông ta nói chung và khu vực nam miền Trung nói riêng. Ngôi đình là một nét đẹp điển hình cho văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc.

3. Giá trị văn hóa

Đình Thạc Gián sau khi được lập nên là nơi tổ chức và duy trì nhiều lễ hội truyền thống của dân làng như Lễ dâng hương lên Thần Minh và tổ tiên, ông bà; Lễ tế Xuân (lễ Kỳ Yên) tổ chức vào ngày rằm tháng 2, đây cũng là lễ tế chính của làng; Lễ Thanh minh (lễ tảo mộ) tổ chức đúng vào tiết Thanh minh; Lễ tế Thu (lễ Kỳ Phúc) tổ chức vào ngày rằm tháng 8; Lễ chánh kỵ đức tiên hiền tổ chức vào ngày 2 tháng 10. Ngoài ra, đình Thạc Gián còn có khá nhiều lễ hội, thường gắn với các ngành nghề làm ăn của cư dân trong làng như nghề cá, nghề nông... Từ khi đình làng được trùng tu vào năm 1916 thì những hội hè còn được duy trì như Đại hội, Hội vui chơi ngày Tết Nguyên đán, Đọc Khánh chúc, diễn tuồng,.... như sau:

3.1. Đại hội

Đây là lễ hội tiêu biểu nhất của đình. Đại hội không diễn ra theo thời hạn chuẩn định, có tính chu kỳ mà thường gắn liền với các thành quả to lớn hay các sự kiện quan trọng của dân làng, thường được tổ chức từ 3 đến 5 ngày. Theo lời các cụ cao tuổi kể lại thì từ năm 1916 đến nay, làng chỉ tổ chức được 3 kỳ đại hội vào các năm 1916, 1935, 1945.

Năm 1916 (năm Bính Thìn) là năm trùng tu xong đình làng, dân làng đã tổ chức Đại hội trong 5 ngày gồm các lễ tế tạ trời đất, Thần Minh, lễ tế Lạc thành đình làng. Sau đó tổ chức các cuộc vui chơi như hát bội, thi đọc khánh chú, thi giống lúa nếp, hoa quả tốt. Năm 1935 (ngày 01 tháng 4 năm Ất Hợi) là lần rước sắc sau cùng của làng Thạc Gián. Lần rước sắc này không chỉ làng Thạc Gián mà còn là chung cho cả Tổng. Làng đã cử một đoàn gồm các vị chức sắc, các vị bô lão đến tận chân đèo Hải Vân để đón sắc của triều đình Huế ban tặng.

Năm 1945 (ngày 02 tháng 9), là ngày Quốc khánh đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trong lần Đại hội này, làng đã tổ chức lễ tạ trời đất và tổ chức vui chơi trong nhiều ngày.

3.2. Hội vui chơi ngày Tết Nguyên Đán

Thông thường cứ vào ngày 23 tháng Chạp thì làng dựng Nêu ở sân đình. Sáng sớm ngày mùng một Tết, sau khi các chức sắc, các bậc kỳ lão và dân làng dâng hương lên bàn thờ thì các cuộc vui tại sân trước và sân sau đình làng cũng bắt đầu. Trong nhà hồi hương, các cụ bô lão chơi cờ, ngâm vịnh thơ... Ban ngày có hát bài Chòi, các cuộc thi hát hò khoan, đối đáp của các chàng trai, cô gái trong làng với nhau hoặc thi với các làng bên. Ban đêm thì tổ chức hát Bội, hát Hò Khoan, bài Chòi... Tuy đến mùng 7 Tết mới hạ Nêu nhưng các cuộc vui chơi chỉ được tổ chức trong 3 ngày mùng Một, mùng Hai, mùng Ba.

3.3. Thi giống lúa nếp

Ngày xưa, cư dân trong làng sinh sống chủ yếu bằng nghề nông nên để khuyến khích việc trồng trọt làng hay tổ chức nhiều hội thi như thi giống lúa nếp tốt. Hội thi được tổ chức vào ngày lễ thượng điền. Vào ngày này, các thôn ấp đem các loại lúa nếp vừa mới thu hoạch đến đình làng để thi nấu cơm, xôi. Trước là để cúng Thần Minh và tổ tiên, sau là các bậc kỳ lão chăm xem loại lúa, loại nếp nào tốt thì làng thường và nhân giống ấy ra để các thôn, ấp khác cùng gieo trồng. Cũng vào dịp này, các làng bên thường cử người đến dự để có thể học hỏi thêm kinh nghiệm trong việc trồng trọt đem về áp dụng cho làng mình.

3.4. Cổ lệ

Đây là những quy định do các bậc tiền nhân đặt ra trong quá trình phát triển của làng nhằm gìn giữ các

phong tục, tập quán từ lâu đời. Đồng thời, “cổ lệ” cũng nhằm làm cho cư dân trong làng ý thức được các nghĩa vụ và cả quyền lợi của mình trong đời sống cộng đồng làng xã. Theo những người cao tuổi trong làng thì để duy trì và thực hiện các “cổ lệ” của làng, vào ngày rằm tháng 10 năm Bính Thân (17.11.1956), làng đã tổ chức một cuộc họp và xác định lại một cách rõ ràng như sau: “Tôn trọng và bảo tồn các cổ lệ hay đẹp tổ tiên truyền lại, đặc biệt là các cổ lệ cúng vật vai, điều tang, thưởng, phạt... Cần khuyến khích con cháu thực hiện cổ lệ”. Một số cổ lệ của làng Thạc Gián:

Bồn: Đây là một loại quỹ công của làng. Quỹ này có được từ việc thu một phần hoa lợi trên ruộng đất công của làng giao cho con cháu canh tác, lệ cúng vật vai gồm lúa, nếp, tiền mặt... Bồn thường được sử dụng vào các việc như tu bổ phần mộ tổ tiên, nhà thờ, nhang đèn thờ tự, các lễ tế và sử dụng vào các việc công ích khác.

Lệ giao ruộng đất canh tác: Ngày xưa, làng có một số phần ruộng Thu và Lạp ở Bàu Làng, Bàu Sen, là những phần ruộng màu mỡ. Số ruộng này được giao cho các tộc trưởng và các tộc trưởng giao lại cho con cháu trong tộc có sức lao động nhưng thiếu ruộng luân phiên canh tác. Khi thu hoạch thì nộp một phần hoa lợi cho làng, một phần hoa lợi để chi dùng trong các dịp tế lễ. Người nào nhận làm ruộng Thu thì góp phần hoa lợi trong dịp lễ tế Thu. Người nào nhận làm ruộng Lạp thì góp phần hoa lợi trong dịp tế lễ tảo mộ. Ngoài phần đóng góp này thì người canh tác phần ruộng ấy được hưởng tất cả. Lệ giao ruộng đất canh tác của làng đã giúp một số con cháu cải thiện được cuộc sống của họ. Vì vậy, cứ đến mỗi kỳ tế lễ, những người này thường sắm trâu, rượu đến cúng ông bà để tỏ lòng biết ơn. Ngoài ra, làng còn quy định những người nhận ruộng đất canh tác mà mắc lỗi với làng, xóm hoặc gia tộc thì sẽ bị thu hồi lại phần ruộng đất đó không được canh tác nữa.

Lệ cúng vật vai: Khi một thanh niên thành nhân (lập gia đình) thì được ghi vào danh sách của làng. Người thanh niên đó cúng cho làng một quan tiền vật vai. Nhưng quan tiền này làng không trực tiếp nhận mà giao lại cho người đó giữ (là hình thức mượn lại của làng). Hàng năm, cứ đến ngày Lạp (lễ tảo mộ) thì đem nạp lễ vào Bồn của làng. Phần lễ này rất nhỏ, chỉ mang tính tượng trưng. Nếu trong năm có người nào gặp khó khăn như đau yếu hay hoạn nạn thì được miễn nộp. Nếu chẳng may bị mất sớm thì người vợ có thể nộp thay nếu muốn. Điều này không bắt buộc khi người vợ chưa hoặc không tái giá. Đối với nữ, khi lấy chồng, cũng như trai, cúng cho làng một quan tiền nhưng được cúng hiện (tức là nộp ngay mà không phải chịu lãi). Đối với gia đình khó khăn thì được miễn nộp. Quan tiền ấy do ông trưởng tộc nhận và giao cho một người nào đó cầm tiền làm ăn và cũng nộp lãi cho

làng (phần lãi này cũng rất nhỏ, chỉ mang tính tượng trưng như tiền cúng vật vai). Lệ này ngoài ý nghĩa làm cho con cháu nhớ đến ngày Lạp, tức là nhớ đến phận sự và mối quan hệ làng xã, thì Bồn của làng cũng có thêm phần thu để dùng vào các việc công ích khác.

Lệ điều tang: Đây là một tục lệ tốt đẹp của dân tộc Việt Nam nói chung cũng như dân làng Thạc Gián nói riêng từ bao đời nay. Ngày rằm tháng 10 năm Bính Tuất (25/11/1958) làng đã quy định Lệ điều tang cụ thể đối với các ông, bà có danh phận trong tộc, các bậc kỳ lão khi lâm chung; đối với các ông, bà niên trưởng và thượng thọ khi lâm chung; đối với hàng con cháu khi mất trong việc thực hiện các nghi lễ nghi thức điều tang. Lệ điều tang vẫn còn được duy trì đến ngày nay nhưng phần lễ đã có nhiều hạn chế, không còn được đầy đủ như xưa.

Lệ kính: Đây là hình thức dâng tặng những lễ vật cúng đối với những người bề trên (cụ thể là miếng thịt lợn cúng). Theo tục lệ, hằng năm sau khi cử hành các đại lễ như tế Xuân, tế Thu, Lạp; nhất là vào kỳ lễ Lạp thường có lệ kính như sau: Lệ kính đầu nong (tức là miếng thịt đầu của con lợn cúng) được dâng tặng cho ông Đình trưởng và các bậc kỳ lão có công với làng. Đối với các bậc chức sắc, kỳ lão bị quá vãng trong năm đó thì đều được tộc truy niệm trong lễ cúng và dành một miếng tợ kính (miếng thịt lợn cúng) cùng với bát, đĩa và một chỗ ngồi (không ai được ngồi vào vị trí này). Từ những năm 1960 trở đi, do sự biến chuyển của xã hội nên làng đã quyết định có thể tăng hoặc giảm kính (dựa theo biên bản cuộc họp của làng ngày rằm tháng 9 năm Đinh Dậu - 6/11/1957). Theo đó, lễ vật (hoa, quả, bánh trái...) sau khi cúng tổ tiên xong thì dành một phần để kính các cụ bề trên có công với làng (chứ không nhất thiết phải kính thịt) nhằm thể hiện lòng kính trọng và ghi ơn họ.

Lệ thưởng: Theo lệ này thì bất cứ người con cháu nào trong làng nếu làm được những việc có lợi ích to lớn cho làng xã hoặc có công trạng đối với đất nước, cứu giúp người khác trong thiên tai, hoạn nạn, đi thi đỗ đạt cao, đem vinh dự về cho làng, xã, tộc, họ thì đều được làng thưởng. Hình thức thưởng cũng được quy định rõ ràng. Vào các kỳ tế lễ trong năm đó của làng thì ông, bà, cha, mẹ và bản thân người đó được tuyên dương và ghi vào sổ làng; trong các kỳ tế lễ sẽ được ưu tiên làm lễ (vào lạy tổ tiên trước các con cháu khác cùng thứ bậc). Sau khi tế lễ thì được ngồi cùng chiếu với các bậc kỳ lão; được thưởng một cỗ lợn. Nếu người con, cháu đó nghèo khó thì được làng ưu tiên cho nhận phần ruộng Thu hoặc ruộng Lạp hoặc được tặng một số hiện kim để làm ăn. Ngoài ra, làng còn thực hiện một số hình thức thưởng ngoại lệ như đối với con cháu nghèo có chí học tập thì được miễn nộp khoản tiền lãi theo lệ cúng vật vai và được làng hỗ trợ hoặc cho mượn một số hiện kim để ăn học; tất cả con cháu khi

đi thi đều được làng tặng một, hai quan tiền để làm lộ phí đi thi; khi đi thi nếu con cháu nào gặp hoàn cảnh gia đình đơn chiếc như có ông, bà, cha, mẹ già yếu, ruộng vườn không có người trông nom, cây, cấy cho đúng thời vụ thì làng cử người làm giúp để người học trò ấy an tâm đi thi; đối với con cháu đã thành thân mà nghèo khó không có ruộng nương canh tác thì làng cho nhận ruộng Thu hoặc ruộng Lạp để làm ăn.

Lệ Phạt: Con cháu trong làng đã thành thân (18 tuổi trở lên, đã có gia đình và đã được ghi vào sổ làng) nếu mắc phải các lỗi như đối xử với bà con trong làng, xóm, dòng tộc, trong gia đình mà thiếu lễ độ, ngỗ nghịch, phạm thượng, bất tuân giáo huấn của gia đình..., gia tộc và làng đã giáo dục, chỉ bảo nhiều lần nhưng người đó không biết hối cải thì làng phải dùng biện pháp cứng rắn. Đó là lệ phạt (trích ngoại), tức là làng không công nhận người đó là con cháu của làng, của gia tộc trong một thời gian nhất định nào đó - tùy theo mức độ lỗi vi phạm nặng hay nhẹ. Hết thời gian bị trích ngoại, người bị phạt phải đem một đĩa trầu cau (5 miếng) đến trình với gia tộc và với làng trong dịp tế lễ để xin làng xóa bỏ việc bị phạt để được công nhận lại là con cháu trong làng.

3.5. Lễ hội đình làng Thạc Gián Từ sau lần trùng tu vào năm 2009 (sau khi được công nhận di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia), ngày 17/4/2011 (nhằm ngày 10/3 Âm lịch), lần đầu tiên lễ hội đình làng đã được phục dựng và tổ chức với quy mô trọng thể. Từ đó, cứ 02 năm một lần, UBND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã phối hợp với ban trị sự của đình tổ chức lễ hội nhằm tạo điều kiện gặp gỡ, giao lưu giữa các dòng tộc, lấy tên là Lễ hội đình làng Thạc Gián.

Ngoài ra, trong đình hiện nay còn có 18 sắc phong các đời vua nhà Nguyễn như Minh Mạng, Tự Đức, Đồng Khánh, trong đó sớm nhất là sắc phong năm Minh Mạng thứ 7 (1826) và muộn nhất là sắc phong năm Bảo Đại thứ 10 (1935); 38 chiếu chỉ (có một số chiếu, thị có niên đại rất sớm từ đời Cảnh Hưng, Gia Long...); bài vị, hoành phi, liễn đối, bia đá, hai dãy lồng bộ gồm 14 món binh khí, 3 tượng phật bằng gỗ. Khi được hỏi về ý nghĩa của 18 sắc phong còn tồn tại ở đình Thạc Gián, bà Phan Thị Xuân Mai - Trưởng phòng Quản lý di sản thuộc Bảo tàng Đà Nẵng cho biết: “Sắc Phong không đơn giản chỉ là di vật, cổ vật mà còn là di sản tư liệu cung cấp những thông tin quan trọng về địa lý, lịch sử, đời sống xã hội, văn hóa của một vùng đất. Ở thành phố Đà Nẵng, đình Thạc Gián là nơi lưu giữ nhiều sắc phong nhất, với 18 sắc phong...”. Do hoàn cảnh lịch sử và nhiều nguyên nhân khác mà hầu hết các đình ở Đà Nẵng không còn giữ được các hiện vật liên quan như sắc phong, đồ thờ cúng, kiến trúc đình, bộ khung gỗ truyền thống... Vì vậy, cho đến nay có thể nói rằng đình Thạc Gián là

ngôi đình duy nhất trong thành phố Đà Nẵng còn giữ được các hiện vật hết sức giá trị liên quan đến một ngôi đình nói riêng và đình làng nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bảo tàng Đà Nẵng (2009)**, *Đà Nẵng, di tích và danh thắng*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
2. **Ngô Văn Bảy (2011)**, *Quản lý di tích lịch sử - văn hóa ở thành phố Đà Nẵng*, **Luận văn Thạc sĩ quản lý văn hóa**, Đại học Văn hóa Hà Nội, Hà Nội.
3. **Nguyễn Việt Châu (2013)**, *Bảo tồn, trùng tu di sản kiến trúc thế giới lý luận và thực tiễn*, nguồn: <https://www.tapchikientruc.com.vn>, truy cập ngày 26/10/2020.
4. **Nguyễn Văn Dân (2009)**, *Con người và văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
5. **Phan Hồ Điệp, Nguyễn Ngọc Chinh (2017)**, *Các biểu hiện của triết lý âm dương trong kiến trúc đình làng Thạc Gián*, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
6. **Phạm Hoàng Hải (2004)**, *Đà Nẵng trên con đường di sản*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.